



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế



Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") nay là Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 03 tháng 6 năm 2019, thay đổi lần thứ 14 vào ngày 16 tháng 03 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Đường Trường Sơn, Tổ 3, Tổ dân phố 5, Thị trấn A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên:	Chức vụ:
Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 17/6/2019)
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/6/2019)
Ông Bùi Minh Trường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/6/2019)
Bà Lê Thị Lộc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/6/2019)
Ông Trương Thế Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/6/2019)
Ông Bùi Vĩnh Phúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/6/2019)

Ban Kiểm soát

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 17/6/2019)
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15/6/2019)
Ông Đinh Hải Nam	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/6/2019)
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/6/2019)
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/6/2019)
Ông Bùi Quang Đức	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15/6/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03/6/2019)
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03/6/2019)
Ông Ngô Xuân Doanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/8/2019)

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên:	Chức vụ:
Ông Phạm Văn Hải	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/6/2019)
Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 03/6/2019)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

- Vào ngày 03 tháng 06 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 13, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Phạm Văn Hải sang ông Bùi Minh Trường, chức danh Tổng Giám đốc.
- Theo Quyết định số 283/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu của Công ty (ALV) hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Cổ phiếu ALV được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 377/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức từ ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hiện tại, cổ phiếu ALV bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM và chỉ được giao dịch vào phiên thứ Sáu hàng tuần bắt đầu từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 669/TB-SGDHN ngày 20 tháng 6 năm 2019.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty được tổ chức vào ngày 15/6/2019, Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2017, thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cũng được tổ chức cùng ngày 15/6/2019, Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán và thông qua một số nội dung như: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018; thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019; thông qua việc miễn nhiệm và bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ năm 2019 đến năm 2023.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường, Nghị quyết số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án thay đổi tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; thông qua phương án thay đổi mục đích tăng vốn năm 2018; thông qua thay đổi phương án đầu tư vào Công ty CP Xi măng Bạch Đằng và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh mới năm 2019. Đến thời điểm hiện tại, việc thay đổi phương án đầu tư vào Công ty CP Xi măng Bạch Đằng vẫn chưa thực hiện được theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ngoài ra trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất các thủ tục với cơ quan thuế để dỡ bỏ cưỡng chế hóa đơn GTGT. Công ty đã thực hiện xuất đầy đủ hóa đơn GTGT đối với các khoản doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn của các năm trước.

5. Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO và thay đổi địa chỉ trụ sở về tại đường Trường Sơn, tổ 3, tổ dân phố 5, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16/3/2020.

Ngoài sự các kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Phê duyệt báo cáo tài chính

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện Ban Tổng giám đốc



BUI MINH TRƯỜNG

Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2020



Số: 027/2020/BCKT-HT.00070

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Tại ngày 31/12/2019, các khoản công nợ phải trả người bán và trả trước cho người bán lần lượt với tổng giá trị là 6.545.683.734 đồng (Chiếm 16,51% công nợ phải trả người bán) và 4.106.929.348 đồng (Chiếm 86,47% công nợ trả trước cho người bán) không được khách hàng xác nhận. Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng về các khoản công nợ nêu trên và bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ của khoản mục này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không và ảnh hưởng nếu có của các điều chỉnh đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV.
- Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tổng số dự phòng cần trích lập là 4.106.929.348 đồng. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam. Nếu Công ty trích lập khoản dự phòng dự phòng phải thu khó đòi nêu trên, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng là 4.106.929.348 đồng và dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty chuyển từ lãi thành lỗ.
- Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ các thông tin liên quan đến giao dịch hợp tác đầu tư Dự án nhà máy xi măng Liên Khê của Công ty với Công ty CP Xi măng Bạch Đằng với tổng giá trị là 45.000.000.000 đồng. Do hạn chế của thông tin được cung cấp, Chúng tôi không có đầy đủ căn cứ đánh giá được tính hợp lý và hiệu quả phương án đầu tư này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Phó Giám đốc

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2018-009-1

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.479.737.745	38.678.884.580
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.432.229.586	105.616.273
1. Tiền	111		1.432.229.586	105.616.273
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.041.623.893	37.080.332.650
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	30.416.703.029	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.749.429.348	28.863.130.650
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	8.202.280.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	-	554.922.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.124.508.484)	(540.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.8	4.005.884.266	1.492.935.657
1. Hàng tồn kho	141		4.005.884.266	1.492.935.657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.134.837.439	54.189.816.622
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		45.000.000.000	45.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	45.000.000.000	45.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		22.049.009.604	9.189.816.622
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	22.049.009.604	4.689.816.622
- Nguyên giá	222		22.146.100.000	8.030.171.549
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(97.090.396)	(3.340.354.927)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	4.500.000.000
- Nguyên giá	228		-	4.500.000.000
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		85.827.835	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	85.827.835	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		105.614.575.184	92.868.701.202

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		42.078.374.092	32.570.140.517
I. Nợ ngắn hạn	310		42.078.374.092	32.570.140.517
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	39.635.188.372	13.399.360.172
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	-	2.262.373.118
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.150.997.992	2.891.910.681
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	150.000.000	1.533.769.081
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	75.824.612	1.355.364.349
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	-	11.061.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	66.363.116
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.536.201.092	60.298.560.685
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	63.536.201.092	60.298.560.685
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.579.360.000	56.579.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.558.133.377	3.320.492.970
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.320.492.970	6.684.016.728
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.237.640.407	(3.363.523.758)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		105.614.575.184	92.868.701.202

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

(Chữ ký)



(Chữ ký)

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BUI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2019	Năm 2018
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	69.364.267.768	7.679.525.550
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		69.364.267.768	7.679.525.550
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	63.398.416.500	7.633.933.799
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		5.965.851.268	45.591.751
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	385.131.663	6.812.224.128
7 Chi phí tài chính	22	6.4	990.355.778	1.587.266.737
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		990.355.778	1.587.266.737
8 Chi phí bán hàng	24	6.7	-	72.345.000
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	3.407.327.295	8.055.008.015
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		1.953.299.858	(2.856.803.873)
11 Thu nhập khác	31	6.5	1.700.642.321	65.363.636
12 Chi phí khác	32	6.6	416.301.772	478.965.417
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.284.340.549	(413.601.781)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.237.640.407	(3.270.405.654)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	93.118.104
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3.237.640.407	(3.363.523.758)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	572	(596)
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	572	(596)

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

BUI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Địa chỉ: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.237.640.407	(3.270.405.654)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		523.389.100	1.012.359.324
- Các khoản dự phòng	03		1.584.508.484	(100.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(656.613.745)	(6.812.224.128)
- Chi phí lãi vay	06		990.355.778	1.587.266.737
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.679.280.024	(7.583.003.721)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(5.748.079.727)	18.888.020.620
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(2.512.948.609)	1.403.912.155
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		16.664.094.866	(18.652.951.946)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(85.827.835)	3.595.557.168
- Tiền lãi vay đã trả	14		(990.355.778)	(1.587.266.737)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(323.571.291)	(275.399.664)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.682.591.650	(4.211.132.125)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(17.917.390.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		9.035.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	(22.802.280.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.202.280.000	14.600.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(84.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	52.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		385.131.663	5.725.267.606
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(294.978.337)	(34.977.012.394)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	25.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	-	26.261.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(11.061.000.000)	(15.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.061.000.000)	36.061.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		1.326.613.313	(3.127.144.519)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		105.616.273	3.232.760.792
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	1.432.229.586	105.616.273

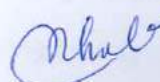
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC


HÀ THỊ HỒNG NHUNG


HÀ THỊ HỒNG NHUNG



BÙI MINH TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") nay là Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 03 tháng 6 năm 2019, thay đổi lần thứ 14 vào ngày 16 tháng 03 năm 2020.

Công ty có trụ sở chính đặt tại: Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh với mã số địa điểm 0001 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 23/8/2019. Công ty có Văn phòng giao dịch - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV đặt tại Tầng 6, tháp A, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là bán đá xây dựng và thi công đường giao thông.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

4.10 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.11 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.12 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.15 Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

4.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.18 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh giá vốn sản phẩm hàng hóa bán ra và hoạt động xây lắp nghiệm thu trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

4.23 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.24 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.385.887.800	15.434.483
Tiền gửi ngân hàng	46.341.786	90.181.790
Tổng	1.432.229.586	105.616.273

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu của các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng(*)	22.981.829.000	-
Công ty CP Tập đoàn Phú Minh Sơn	3.170.417.670	-
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Thương mại 5S Việt	2.679.947.875	-
Tổng	30.416.703.029	-

(*) Đây là các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ nạo vét và bóc phủ núi Ngà Voi nghiệm thu trong năm 2019.

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty TNHH Bảo Khoa	-	5.100.000.000
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2.851.240.883	7.814.066.945
Công ty TNHH MTV DV-TM Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	1.255.688.465
Công ty TNHH Tâm Thịnh Tiến	-	3.151.000.000
Công ty TNHH TM - Dịch vụ và SX Sông Ranh	-	3.000.000.000
Công ty CP Xây lắp và Thiết bị TH Việt	-	7.000.000.000
Công ty CP Tổng hợp Xây dựng Công trình 69	-	1.000.000.000
Các tổ chức, cá nhân khác	642.500.000	542.375.240
Tổng	4.749.429.348	28.863.130.650

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu các bên liên quan		
Ông Lưu Anh Tuấn	-	7.000.000.000
Phải thu của các tổ chức và cá nhân khác		
Bà Nguyễn Thị Oanh	-	1.202.280.000
Tổng	-	8.202.280.000

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	-	-	554.922.000	-
Tổng	-	-	554.922.000	-
b. Dài hạn				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng (*)	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Tổng	45.000.000.000	-	45.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

(*) Khoản hợp tác đầu tư theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28.12/2018/BCC/BDC-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng ("Bạch Đằng") để đầu tư vào "Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê" tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Bạch Đằng làm chủ đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hải Phòng số 1901/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 và Giấy phép xây dựng số 41/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018. Thời hạn của hợp đồng là 15 năm, tổng vốn đầu tư của dự án là 2.957.822.000.000 VND, trong đó, vốn đầu tư của Công ty là 45.000.000.000 VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên.

Ngày 27/12/2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường và thay đổi phương án khoản đầu tư này là rút một phần vốn đã đầu tư. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện thu hồi một phần giá trị khoản đầu tư theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường.

5.6 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng				
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	-	-	-
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH TM & DV tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	-	540.000.000	-
Cộng	2.124.508.484	-	540.000.000	-

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	85.827.835	-
Tổng	85.827.835	-

5.8 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	85.648.356	-	362.462.249	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.920.235.910	-	1.115.559.267	-
Thành phẩm	-	-	14.914.141	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Tổng	4.005.884.266	-	1.492.935.657	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2019	7.670.171.549	360.000.000	8.030.171.549
Mua trong năm	22.146.100.000	-	22.146.100.000
Thanh lý, nhượng bán	(7.670.171.549)	(360.000.000)	(8.030.171.549)
Vào ngày 31/12/2019	22.146.100.000	-	22.146.100.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2019	2.980.354.927	360.000.000	3.340.354.927
Khấu hao trong năm	523.389.100	-	523.389.100
Thanh lý, nhượng bán	(3.406.653.631)	(360.000.000)	(3.766.653.631)
Vào ngày 31/12/2019	97.090.396	-	97.090.396
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2019	4.689.816.622	-	4.689.816.622
Vào ngày 31/12/2019	22.049.009.604	-	22.049.009.604

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2019	4.500.000.000
Mua trong năm	-
Thanh lý, nhượng bán	(4.500.000.000)
Vào ngày 31/12/2019	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2019	-
Khấu hao trong năm	-
Vào ngày 31/12/2019	-
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2019	4.500.000.000
Vào ngày 31/12/2019	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.11 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	01/01/2019		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		31/12/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng	11.061.000.000	11.061.000.000	-	-	11.061.000.000	-	-	-
Tổng	11.061.000.000	11.061.000.000	-	-	11.061.000.000	-	-	-

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng dùng chung số 0241/00518/HMTDDC-PN ngày 19 tháng 3 năm 2018 với hạn mức tính định là 11.300.000.000 VND, thời hạn vay đến hết ngày 19 tháng 3 năm 2019, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất áp dụng trong năm là 11,2%/năm, tài sản đảm bảo là lô đất tại Lô 1413 KDC Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu của ông Phan Hoàng Việt và bà Lê Thị Minh Nga địa chỉ tại Tổ 39 phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Công ty TNHH xây dựng BVT	1.556.379.000	1.556.379.000	1.556.379.000	1.556.379.000
Công ty TNHH Kinh doanh thương mại Tổng hợp Thọ Trường	2.191.230.638	2.191.230.638	2.191.230.638	2.191.230.638
Công ty TNHH Mai Ngọc Ánh	108.311.000	108.311.000	1.401.157.500	1.401.157.500
Công ty TNHH TMDV Vận tải Tuấn Phát	-	-	2.165.501.900	2.165.501.900
Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	16.445.616.000	16.445.616.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Thương mại Hoàng Tuấn	5.978.500.000	5.978.500.000	-	-
Công ty TNHH Một thành viên Đào Đức Long	4.145.448.000	4.145.448.000	-	-
Các đối tượng khác	9.209.703.734	9.209.703.734	6.085.091.134	6.085.091.134
Tổng	39.635.188.372	39.635.188.372	13.399.360.172	13.399.360.172

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Người mua trả tiền trước khác		
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	-	825.495.349
Công ty CP Việt Trung	-	600.000.000
Công ty TNHH Khoáng sản Phú Lâm	-	836.877.769
Tổng	-	2.262.373.118

5.14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2019 VND
Thuế Giá trị gia tăng	98.729.666	9.084.497.597	9.109.544.572	73.682.691
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	775.384.038	-	323.571.291	451.812.747
Thuế thu nhập cá nhân	230.283.300	6.350.000	236.633.300	-
Thuế khác	1.085.845.002	-	300.000.000	785.845.002
Phí, lệ phí	701.668.675	205.128.729	67.139.852	839.657.552
Tổng	2.891.910.681	9.295.976.326	10.036.889.015	2.150.997.992

Trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất các thủ tục với cơ quan thuế để dỡ bỏ cưỡng chế hóa đơn GTGT. Công ty đã thực hiện xuất đầy đủ hóa đơn GTGT đối với các khoản doanh thu đã ghi nhận mà chưa xuất hóa đơn của các năm trước.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí các công trình	-	1.283.632.717
Chi phí dịch vụ tư vấn	150.000.000	190.909.091
Chi phí phải trả khác	-	59.227.273
Tổng	150.000.000	1.533.769.081

5.16 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải trả ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	-	127.392.283
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.824.612	1.227.972.066
Tổng	75.824.612	1.355.364.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.17 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2018	31.579.360.000	(17.000.000)	6.684.016.728	38.246.376.728
Vốn góp trong năm	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Lỗi trong năm	-	-	(3.363.523.758)	(3.363.523.758)
Chia cổ tức	-	-	-	-
Số dư 31/12/2018	56.579.360.000	(17.000.000)	3.320.492.970	59.882.852.970
Số dư 01/01/2019	56.579.360.000	(17.000.000)	3.320.492.970	59.882.852.970
Vốn góp trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	3.237.640.407	3.237.640.407
Chia cổ tức	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư 31/12/2019	56.579.360.000	(17.000.000)	6.558.133.377	63.120.493.377

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 56.579.360.000 đồng, chia thành 5.657.936 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 31/12/2019 như sau:

Cổ đông	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Trương Thế Sơn	-	-	2.633.400.000	4,65%
Trương Thế Dũng	-	-	2.614.000.000	4,62%
Phạm Thị Minh Ngọc	9.000	0,16%	2.603.000.000	4,60%
Phạm Huy Hoàng	12	0%	2.729.120.000	4,82%
Lê Văn Long	3.217.000.000	5,69%	3.217.000.000	5,69%
Các cổ đông khác	53.272.240.000	94,15%	42.782.840.000	75,62%
Tổng	56.579.360.000	100%	56.579.360.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.579.360.000	31.579.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	25.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.657.936	5.657.936
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.657.936	5.657.936
- Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	5.657.936
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.657.936	5.657.936
- Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	5.657.936
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

e) Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 0
 - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

f) Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	415.707.715	-	-	415.707.715

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu tăng trong năm	69.364.267.768	8.205.451.738
Doanh thu bán thành phẩm	187.312.600	85.500.000
Doanh thu bán hàng hóa	34.788.928.804	3.014.113.637
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	384.445.492
Doanh thu hoạt động xây lắp	34.388.026.364	4.721.392.609
Doanh thu giảm trong năm	-	(525.926.188)
Giảm trừ doanh thu xây lắp năm trước	-	(525.926.188)
Doanh thu thuần	69.364.267.768	7.679.525.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán thành phẩm	377.326.378	16.908.300
Giá vốn bán hàng hóa	33.590.199.250	2.612.114.617
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	431.584.229
Giá vốn hoạt động xây lắp	30.773.750.862	4.573.326.653
Giảm trừ giá vốn của các công trình xây dựng cơ bản năm trước	(1.342.859.990)	-
Tổng	63.398.416.500	7.633.933.799

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	385.131.663	729.727.547
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.995.540.059
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	1.086.956.522
Tổng	385.131.663	6.812.224.128

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	990.355.778	1.587.266.737
Tổng	990.355.778	1.587.266.737

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thanh lý TSCĐ	271.482.082	-
Các khoản khác	1.429.160.239	65.363.636
Tổng	1.700.642.321	65.363.636

6.6 Chi phí khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nộp phạt	299.641.797	478.965.417
Các khoản khác	116.659.975	-
Tổng	416.301.772	478.965.417

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	3.407.327.295	8.055.008.015
Chi phí nhân viên	502.417.883	657.636.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	506.722.432	2.015.371.555
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.584.508.484	(100.000.000)
Các khoản chi phí QLDN khác	813.678.496	5.482.000.460
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	72.345.000
Chi phí vận chuyển	-	24.345.000
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	48.000.000

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	95.572.038	-
Chi phí nhân công	879.299.037	681.981.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	523.389.100	1.012.359.324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.082.107.064	6.257.633.155
Chi phí khác	1.719.853.553	6.126.876.327
Tổng	37.300.220.792	14.078.849.806

6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	93.118.104
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	93.118.104

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

6.10 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	3.237.640.407	(3.363.523.758)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.237.640.407	(3.363.523.758)
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	5.657.936	5.642.537
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	572	(596)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	572	(596)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tăng vốn từ chia cổ tức	-	-
Góp vốn vào công ty con bằng công nợ	-	-

7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	26.261.000.000

7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	11.061.000.000	15.200.000.000

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	90.175.000	102.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV
 Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Công ty / đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Ông Phạm Văn Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (đến ngày 15/06/2019) kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 03/06/2019)
Ông Trương Khánh Toàn	Kế toán trưởng (đến ngày 17/06/2019)
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát (từ ngày 17/06/2019)
Các thành viên khác thuộc Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Ông Phạm Văn Hải	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Edico	-	27.500.000.000
	Cho vay	3.000.000.000	-
	Thu lại tiền cho vay	3.000.000.000	-
Ông Trương Khánh Toàn	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Gạch Đồng Giang	-	24.500.000.000
Ông Lưu Anh Tuấn	Cho vay	-	7.000.000.00
	Thu lại tiền cho vay	7.000.000.00	-

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên có liên quan như sau:

	<u>31/12/2019</u> VND	<u>01/01/2019</u> VND
Ông Lưu Anh Tuấn		
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	7.000.000.000

8.3 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xây dựng, thương mại hàng hóa chủ yếu trong nước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận, tài sản và nợ phải trả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	34.976.241.404	34.388.026.364	-	69.364.267.768
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.008.715.776	4.957.135.492	-	5.965.851.268
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	7.434.874.029	22.981.829.000	-	30.416.703.029
Tài sản không phân bổ				75.197.872.155
Tổng tài sản				105.614.575.184
Nợ phải trả bộ phận	13.065.624.372	26.569.564.000	-	39.635.188.372
Nợ phải trả không phân bổ				2.685.838.140
Tổng nợ phải trả				42.321.026.512

Kết quả bộ phận, tài sản và nợ phải trả bộ phận cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Bán hàng hóa, thành phẩm VND	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.099.613.637	4.195.466.421	384.445.492	7.679.525.550
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	470.590.720	(377.860.232)	(47.138.737)	45.591.751
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-
Tài sản bộ phận	13.293.818.575	13.522.247.732	-	26.816.066.307
Tài sản không phân bổ				66.052.634.895
Tổng tài sản				92.868.701.202
Nợ phải trả bộ phận	3.825.562.994	7.277.610.018	-	11.103.173.012
Nợ phải trả không phân bổ				21.466.967.505
Tổng nợ phải trả				32.570.140.517

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ALV

Thôn Hương Thịnh, xã Hương Phong, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH

- Vào ngày 03 tháng 06 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ 13, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty từ ông Phạm Văn Hải sang ông Bùi Minh Trường, chức danh Tổng Giám đốc.
- Theo Quyết định số 283/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 6 năm 2019, cổ phiếu của Công ty (ALV) hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14 tháng 6 năm 2019.
- Cổ phiếu ALV được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 377/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chính thức từ ngày 21 tháng 6 năm 2019. Hiện tại, cổ phiếu ALV bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM và chỉ được giao dịch vào phiên thứ Sáu hàng tuần bắt đầu từ ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 669/TB-SGDHN ngày 20 tháng 6 năm 2019.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty được tổ chức vào ngày 15/6/2019, Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán, thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2017, thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018.
- Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cũng được tổ chức cùng ngày 15/6/2019, Nghị quyết số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán và thông qua một số nội dung như: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2018; thông qua việc trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019; thông qua việc miễn nhiệm và bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ năm 2019 đến năm 2023.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2019, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường, Nghị quyết số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án thay đổi tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty; thông qua phương án thay đổi mục đích tăng vốn năm 2018; thông qua thay đổi phương án đầu tư vào Công ty CP Xi măng Bạch Đằng và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh mới năm 2019. Đến thời điểm hiện tại, việc thay đổi phương án đầu tư vào Công ty CP Xi măng Bạch Đằng vẫn chưa thực hiện được theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Ngoài ra trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất các thủ tục với cơ quan thuế để dỡ bỏ cưỡng chế hóa đơn GTGT. Công ty đã thực hiện xuất đầy đủ hóa đơn GTGT đối với các khoản doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn của các năm trước.

10. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO và thay đổi địa chỉ trụ sở về tại đường Trường Sơn, tổ 3, tổ dân phố 5, thị trấn A Lưới, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 16/3/2020.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

11. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Trong năm Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố lại chi phí liên quan đến quyền khai thác mỏ đá đã bị thu hồi năm 2018. Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại nhằm mục đích so sánh với số liệu năm nay. Cụ thể:

Bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh hồi tố VND
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.004.702.335	(4.004.702.335)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.134.563.101	(242.652.420)	2.891.910.681
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.082.542.885	(3.762.049.915)	3.320.492.970

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Số sau điều chỉnh hồi tố VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	4.050.305.680	4.004.702.335	8.055.008.015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	734.296.681	(4.004.702.335)	(3.270.405.654)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	335.770.524	(242.652.420)	93.118.104
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	398.526.157	(3.762.049.915)	(3.363.523.758)



HÀ THỊ HỒNG NHUNG
Người lập biểu



HÀ THỊ HỒNG NHUNG
Kế toán trưởng





BUI MINH TRƯỜNG
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 3 năm 2020

